

Thời gian : 07h00 - 16/12/2009

HỌC KỲ : 1

LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				30					20			50			
1	10.104.8419	Nguyễn Đăng Hùng	24XC2	3					10			9.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
2	132321175	Đặng Thị Xuân	D15KDN1	0					0			0.0	0.0	Không	
3	152310554	Phạm Hồng Thụy	D15KDN1	10					8			10	9.6	Chín phẩy Sáu	
4	152320562	Lê Thị Loan	D15KDN1	7					10			4.0	6.1	Sáu phẩy Một	
5	152320563	Nguyễn Thị Mi Sa	D15KDN1	10					10			8.0	9.0	Chín	
6	152320571	Phạm Thị Mỹ Hạnh	D15KDN1	10					10			8.0	9.0	Chín	
7	152320573	Phạm Thị Ánh Tuấn	D15KDN1	7					6			8.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
8	152320577	Lê Thị Kiều Trang	D15KDN1	3					6			10	7.1	Bảy phẩy Một	
9	152320581	Võ Thị Việt Trang	D15KDN1	7					10			8.0	8.1	Tám phẩy Một	
10	152320584	Nguyễn Thị Như Trang	D15KDN1	5					8			8.0	7.1	Bảy phẩy Một	
11	152320590	Phạm Thị Huế	D15KDN1	3					8			8.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
12	152320600	Lê Thị Tú Nga	D15KDN1	7					6			10	8.3	Tám phẩy Ba	
13	152320602	Nguyễn Vinh Huy	D15KDN1	10					10			6.0	8.0	Tám	
14	152320605	Nguyễn Thị Phương	D15KDN1	10					6			8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
15	152320620	Huỳnh Thị Thanh Dung	D15KDN1	2					8			6.0	5.2	Năm phẩy Hai	
16	152320623	Nguyễn Thị Phấn	D15KDN1	10					6			6.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
17	152320631	Bùi Thị Thùy Trang	D15KDN1	10					10			8.0	9.0	Chín	
18	152320635	La Thị Mến	D15KDN1	5					10			6.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
19	152320636	Lê Hải Kết	D15KDN1	7					6			4.0	5.3	Năm phẩy Ba	
20	152320644	Nguyễn Thị Thu Hương	D15KDN1	7					10			8.0	8.1	Tám phẩy Một	
21	152320648	Trương Hoàng Diễm	D15KDN1	10					10			6.0	8.0	Tám	
22	152320661	Lê Khánh Linh	D15KDN1	10					8			4.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
23	152320662	Phan Văn Tân	D15KDN1	10					10			8.0	9.0	Chín	
24	152320675	Trương Thị Minh Hà	D15KDN1	8					8			8.0	8.0	Tám	
25	152320676	Nguyễn Lý Vy	D15KDN1	10					10			6.0	8.0	Tám	
26	152320683	Phan Văn Nghĩa	D15KDN1	3					8			8.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
27	152320686	Phan Thị Khoan	D15KDN1	0					10			8.0	6.0	Sáu	
28	152320690	Phan Thị Ngân Hà	D15KDN1	7					8			4.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
29	152320698	Đặng Thị Kiều An	D15KDN1	7					10			6.0	7.1	Bảy phẩy Một	
30	152320712	Trịnh Thị Bích Anh	D15KDN1	10					10			4.0	7.0	Bảy	
31	152320716	Lê Trần Hồng Hạnh	D15KDN1	10					8			6.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
32	152320717	Trần Thục Chinh	D15KDN1	0					6			9.0	5.7	Năm phẩy Bảy	

Thời gian : 07h00 - 16/12/2009

HỌC KỲ : 1

LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				30					20			50			
33	152320720	Hồ Anh Dung	D15KDN1	3					6			4.0	4.1	Bốn phẩy Một	
34	152320722	Đinh Thị Diệu Thương	D15KDN1	8					10			4.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
35	152320729	Nguyễn Thị Kim Ngân	D15KDN1	0					10			10	7.0	Bảy	
36	152320738	Đỗ Thị Thuỳ Nhi	D15KDN1	10					10			6.0	8.0	Tám	
37	152320740	Nguyễn Mỹ Quyên	D15KDN1	10					10			6.0	8.0	Tám	
38	152320743	Nguyễn Thị Lệ Mỹ	D15KDN1	8					10			10	9.4	Chín phẩy Bốn	
39	152320746	Tạ Nguyên Duy	D15KDN1	7					8			8.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
40	152320749	Trần Thị Hồng Hoa	D15KDN1	10					4			6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
41	152320750	Dương Khánh Hiền	D15KDN1	10					10			6.0	8.0	Tám	
42	152320751	Nguyễn Thị Anh Đào	D15KDN1	3					8			6.0	5.5	Năm phẩy Năm	
43	152320754	Phạm Thị Tý	D15KDN1	3					10			6.0	5.9	Năm phẩy Chín	
44	152320756	Hoàng Quốc Lập	D15KDN1	7					8			10	8.7	Tám phẩy Bảy	
45	152320767	Hoàng Sông Hương	D15KDN1	7					8			6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
46	152320774	Đoàn Thị Hải Yến	D15KDN1	0					8			0.0	1.6	Một phẩy Sáu	
47	152320776	Phan Thị Hương	D15KDN1	3					6			6.0	5.1	Năm phẩy Một	
48	152320777	Trần Hồ Hạnh	D15KDN1	10					10			4.0	7.0	Bảy	
49	152320779	Trần Thị Liên	D15KDN1	0					10			8.0	6.0	Sáu	
50	152320780	Cao Thị Kim Tiên	D15KDN1	7					6			8.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
51	152310527	Nguyễn Thị Huỳnh Trang	D15KDN2	2					10			10	7.6	Bảy phẩy Sáu	
52	152310557	Trần Thị Lệ Chi	D15KDN2	1					10			8.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
53	152320567	Trần Thị Khánh Vân	D15KDN2	3					8			6.0	5.5	Năm phẩy Năm	
54	152320574	Lê Thị Thanh Huyền	D15KDN2	2					8			6.0	5.2	Năm phẩy Hai	
55	152320582	Võ Thị Hiệp	D15KDN2	2					10			6.0	5.6	Năm phẩy Sáu	
56	152320587	Nguyễn Thị Hồng Linh	D15KDN2	3					6			6.0	5.1	Năm phẩy Một	
57	152320608	Nguyễn Thị Thìn	D15KDN2	2.5					6			8.0	6.0	Sáu	
58	152320611	Lê Thị Liễn	D15KDN2	3					6			6.0	5.1	Năm phẩy Một	
59	152320618	Nguyễn Thị Hữu Ngân	D15KDN2	3					8			8.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
60	152320621	Phạm Mai Thuỳ Linh	D15KDN2	2					8			8.0	6.2	Sáu phẩy Hai	
61	152320628	Lý Thị Ngọc Ánh	D15KDN2	3					6			8.0	6.1	Sáu phẩy Một	
62	152320630	Huỳnh Văn Tùng	D15KDN2	3					6			8.0	6.1	Sáu phẩy Một	
63	152320641	Đặng Thị Nguyên	D15KDN2	2					6			8.0	5.8	Năm phẩy Tám	
64	152320642	Dương Thị Lý	D15KDN2	3					8			8.0	6.5	Sáu phẩy Năm	

Thời gian : 07h00 - 16/12/2009

HỌC KỲ : 1

LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
				30					20			50	SỐ	CHỮ	
65	152320652	Nguyễn Thị Ánh Phương	D15KDN2	2					8			10	7.2	Bảy phẩy Hai	
66	152320654	Nguyễn Thị Chim Yến	D15KDN2	1					6			8.0	5.5	Năm phẩy Năm	
67	152320658	Bùi Thị Thanh Thủy	D15KDN2	3					8			8.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
68	152320663	Dương Thị Kim Oanh	D15KDN2	3					6			6.0	5.1	Năm phẩy Một	
69	152320664	Lê Thị Mỹ Hạnh	D15KDN2	3					8			10	7.5	Bảy phẩy Năm	
70	152320665	Nguyễn Thị Thu Hương	D15KDN2	2					10			8.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
71	152320668	Huỳnh Thị Khánh Trinh	D15KDN2	2					10			8.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
72	152320670	Nguyễn Thị Ngọc Lanh	D15KDN2	3					8			6.0	5.5	Năm phẩy Năm	
73	152320678	Trần Thị Trà Nhi	D15KDN2	3					6			8.0	6.1	Sáu phẩy Một	
74	152320680	Hoàng Kim Minh	D15KDN2	3					6			6.0	5.1	Năm phẩy Một	
75	152320681	Võ Văn Hà	D15KDN2	3					8			10	7.5	Bảy phẩy Năm	
76	152320682	Lý Thị Hồng Nga	D15KDN2	3					6			8.0	6.1	Sáu phẩy Một	
77	152320684	Nguyễn Thị Thắm	D15KDN2	3					8			8.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
78	152320685	Dương Thị Thuý Trâm	D15KDN2	3					8			6.0	5.5	Năm phẩy Năm	
79	152320691	Lê Thị Mỹ Duyên	D15KDN2	3					8			10	7.5	Bảy phẩy Năm	
80	152320694	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	D15KDN2	3					8			8.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
81	152320695	Thái Thị Phương	D15KDN2	3					6			8.0	6.1	Sáu phẩy Một	
82	152320697	Hà Đặng Lan	D15KDN2	1					8			10	6.9	Sáu phẩy Chín	
83	152320705	Lê Thị Mai Trang	D15KDN2	3					6			6.0	5.1	Năm phẩy Một	
84	152320707	Thái Ngọc An	D15KDN2	3					8			8.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
85	152320708	Trần Thị Mai Lan	D15KDN2	3					8			10	7.5	Bảy phẩy Năm	
86	152320713	Nguyễn Thị Mỹ Huệ	D15KDN2	3					8			8.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
87	152320715	Trần Thị Bích Loan	D15KDN2	2					8			8.0	6.2	Sáu phẩy Hai	
88	152320739	Nguyễn Thị Hồng Sâm	D15KDN2	3					6			10	7.1	Bảy phẩy Một	
89	152320745	Hồ Viết Kiêm	D15KDN2	2					10			10	7.6	Bảy phẩy Sáu	
90	152320747	Hồ Thị Hà	D15KDN2	3					6			8.0	6.1	Sáu phẩy Một	
91	152320771	Lương Thị Hồng	D15KDN2	2					6			10	6.8	Sáu phẩy Tám	
92	152320772	Cáp Thị Hòa	D15KDN2	3					10			10	7.9	Bảy phẩy Chín	
93	152320786	Võ Quang Nam	D15KDN2	2					10			8.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
94	152310506	Lê Thị Tâm Anh	D15KDN3	10					10			8.0	9.0	Chín	
95	152310531	Nguyễn Thị Hằng Nga	D15KDN3	7					6			7.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
96	152320561	Nguyễn Hồng Vân	D15KDN3	0					10			10	7.0	Bảy	

Thời gian : 07h00 - 16/12/2009

HỌC KỲ : 1

LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				30					20			50			
97	152320564	Huỳnh Thị Kim Nga	D15KDN3	10					8			7.0	8.1	Tám phẩy Một	
98	152320568	Trần Thị Ánh Hòa	D15KDN3	7					8			6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
99	152320580	Đoàn Thị Hoàng Vy	D15KDN3	7					6			9.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
100	152320585	Hà Trung Lưu	D15KDN3	10					4			9.0	8.3	Tám phẩy Ba	
101	152320593	La Mính	D15KDN3	5					2			8.0	5.9	Năm phẩy Chín	
102	152320594	Nguyễn Thị Thu YẾN	D15KDN3	3					6			8.0	6.1	Sáu phẩy Một	
103	152320595	Dương Thị Hồng TƯỢNG	D15KDN3	10					8			6.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
104	152320604	Trần Ngô Tường Như	D15KDN3	3					8			8.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
105	152320606	Hồ Thị Diệu Linh	D15KDN3	3					6			8.0	6.1	Sáu phẩy Một	
106	152320609	Nguyễn Thị Thuý Ngân	D15KDN3	7					8			7.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
107	152320612	Bùi Văn Hùng	D15KDN3	7					8			6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
108	152320613	Nguyễn Đa Phúc	D15KDN3	7					8			8.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
109	152320614	Hoàng Thị Bích Thuỷ	D15KDN3	8					0			6.0	5.4	Năm phẩy Bốn	
110	152320616	Lê Thị Thanh Tâm	D15KDN3	7					10			8.0	8.1	Tám phẩy Một	
111	152320624	Nguyễn Thị Đan Phượng	D15KDN3	8					4			7.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
112	152320625	Vương Thị Cẩm Thanh	D15KDN3	7					8			6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
113	152320627	Nguyễn Thị Oanh	D15KDN3	10					4			6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
114	152320632	Phan Thị Thu Huyền	D15KDN3	7					6			6.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
115	152320638	Lê Quang Viện	D15KDN3	7					4			8.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
116	152320639	Bùi Văn Bằng	D15KDN3	7					6			6.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
117	152320643	Nguyễn Thị Lệ Quỳnh	D15KDN3	0					0			0.0	0.0	Không	
118	152320655	Phạm Thị Thùy Trang	D15KDN3	7					8			8.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
119	152320656	Nguyễn Thị Thanh Hương	D15KDN3	7					6			8.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
120	152320657	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	D15KDN3	10					8			7.0	8.1	Tám phẩy Một	
121	152320671	Hồ Thị Thu Hà	D15KDN3	10					4			6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
122	152320674	Nguyễn Nữ Huyền Trang	D15KDN3	0					0			0.0	0.0	Không	
123	152320677	Trương Thị Sen	D15KDN3	7					4			6.0	5.9	Năm phẩy Chín	
124	152320696	Nguyễn Thị Ngọc Điệp	D15KDN3	10					4			7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
125	152320704	Nguyễn Thị Phương Nguyên	D15KDN3	10					8			9.0	9.1	Chín phẩy Một	
126	152320710	Phạm Thành Tâm	D15KDN3	10					0			6.0	6.0	Sáu	
127	152320721	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	D15KDN3	7					8			7.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
128	152320723	Nguyễn Minh Phương	D15KDN3	10					2			7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	

Thời gian : 07h00 - 16/12/2009

HỌC KỲ : 1

LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F			
				30					20			50	SỐ	CHỮ	
129	152320726	Đào Thị Phương Lan	D15KDN3	10					6			7.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
130	152320730	Võ Kim Phúc	D15KDN3	10					2			7.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
131	152320755	Trần Hoài Thương	D15KDN3	10					8			6.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
132	152320761	Lê Thị Hải	D15KDN3	3					10			7.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
133	152320763	Nguyễn Ngọc Duy Phương	D15KDN3	7					6			7.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
134	152320766	Cao Thị Hoa	D15KDN3	7					8			6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
135	152320782	Nguyễn Thị Kim Dung	D15KDN3	10					4			6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
136	152320784	Trần Thị Cẩm Trinh	D15KDN3	7					8			6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
137	152320785	Lê Văn Đôn	D15KDN3	0					0			0.0	0.0	Không	
138	152320787	Lê Thị Thu	D15KDN3	3					10			6.0	5.9	Năm phẩy Chín	
139	152310489	Lê Thị Vinh Hạnh	D15KDN4	7					8			9.0	8.2	Tám phẩy Hai	
140	152310528	Lê Thị Thanh Thuý	D15KDN4	10					10			6.0	8.0	Tám	
141	152320569	Trần Thị Hoàn	D15KDN4	10					8			7.0	8.1	Tám phẩy Một	
142	152320572	Nguyễn Thị Hưng	D15KDN4	7					10			7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
143	152320576	Nguyễn Thụy Giáng Thi	D15KDN4	10					6			7.0	7.7	Bảy phẩy Bảy	
144	152320578	Nguyễn Thị Vân	D15KDN4	7					6			6.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
145	152320579	Chu Thị Hồng Đam	D15KDN4	7					10			9.0	8.6	Tám phẩy Sáu	
146	152320588	Bùi Thị Thu Nguyệt	D15KDN4	3					6			8.0	6.1	Sáu phẩy Một	
147	152320589	Nguyễn Đỗ Oanh	D15KDN4	10					8			6.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
148	152320596	Đào Thị Bích Lan	D15KDN4	10					10			8.0	9.0	Chín	
149	152320597	Trần Thị Thuý Trang	D15KDN4	3					8			6.0	5.5	Năm phẩy Năm	
150	152320598	Nguyễn Thị Vân Anh	D15KDN4	10					8			6.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
151	152320601	Phan Bạch Duyên	D15KDN4	7					8			6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
152	152320615	Phan Thị Minh Phương	D15KDN4	10					8			8.0	8.6	Tám phẩy Sáu	
153	152320619	Nguyễn Thị Hải Yến	D15KDN4	3					6			8.0	6.1	Sáu phẩy Một	
154	152320626	Lê Thị Kim Hoa	D15KDN4	7					8			4.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
155	152320634	Lê Thị Nga	D15KDN4	10					6			6.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
156	152320637	Khưu Thị Minh Tâm	D15KDN4	7					8			5.0	6.2	Sáu phẩy Hai	
157	152320645	Trương Hồng Công	D15KDN4	10					10			5.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
158	152320647	Nguyễn Ngọc Tiên	D15KDN4	1.5					10			6.0	5.5	Năm phẩy Năm	
159	152320650	Nguyễn Thị Thành Trang	D15KDN4	10					6			6.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
160	152320651	Trần Thị Lệ Giang	D15KDN4	10					8			7.0	8.1	Tám phẩy Một	

Thời gian : 07h00 - 16/12/2009

HỌC KỲ : 1

LẦN THI : 1

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP								ĐIỂM TỔNG KẾT		
					A	P	Q	H	L	M	I	G			F
					30					20			50	SỐ	CHỮ
161	152320659	Lê Thị Ly	Sa	D15KDN4	10					10			6.0	8.0	Tám
162	152320660	Trương Thị	Mai	D15KDN4	7					10			7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu
163	152320666	Hồ Thị Ngọc	Mỹ	D15KDN4	7					8			8.0	7.7	Bảy phẩy Bảy
164	152320669	Võ Thị Tố	Nga	D15KDN4	7					6			6.0	6.3	Sáu phẩy Ba
165	152320688	Lê Thị Thuỳ	Dương	D15KDN4	7					8			6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy
166	152320689	Lê Thị Như	Lê	D15KDN4	10					4			5.0	6.3	Sáu phẩy Ba
167	152320692	Trần Thị Mỹ	Diễm	D15KDN4	7					10			10	9.1	Chín phẩy Một
168	152320693	Nguyễn Thị	Lưu	D15KDN4	0					8			6.0	4.6	Bốn phẩy Sáu
169	152320699	Nguyễn Trần Tiên	Nữ	D15KDN4	3					6			8.0	6.1	Sáu phẩy Một
170	152320702	Hồ Thị Tường	Linh	D15KDN4	10					6			7.0	7.7	Bảy phẩy Bảy
171	152320711	Lê Thị Cẩm	Nhung	D15KDN4	10					6			6.0	7.2	Bảy phẩy Hai
172	152320727	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	D15KDN4	7					6			6.0	6.3	Sáu phẩy Ba
173	152320735	Hồ Thị Ly	Vy	D15KDN4	7					10			5.0	6.6	Sáu phẩy Sáu
174	152320737	Lê Thị	Tý	D15KDN4	10					8			6.0	7.6	Bảy phẩy Sáu
175	152320744	Nguyễn Khoa	Bảo	D15KDN4	10					8			4.0	6.6	Sáu phẩy Sáu
176	152320757	Nguyễn Thị	Phúc	D15KDN4	7					6			7.0	6.8	Sáu phẩy Tám
177	152320768	Phạm Trọng	Nghĩa	D15KDN4	7					10			7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu
178	152320769	Lương Thị Ngọc	Hồng	D15KDN4	7					8			5.0	6.2	Sáu phẩy Hai
179	152320783	Võ Thị	Linh	D15KDN4	3					10			6.0	5.9	Năm phẩy Chín
180	112230595	Trần	Phương	K12KTR2	0					0			0.0	0.0	Không
181	112521025	Trần Quốc	Thao	K12QNH1	3					10			8.0	6.9	Sáu phẩy Chín
182	122120091	Trần Hữu	Phước	K12TPM1	4					10			7.0	6.7	Sáu phẩy Bảy
183	132315619	Nguyễn Thị	Cẩm	K13KKT1	10					10			6.0	8.0	Tám
184	142320627	Võ Thị Huyền	Trang	T14KDN4	10					6			6.0	7.2	Bảy phẩy Hai
185	152320834	Nguyễn Hoàng Thục	Yên	T15KDN2	10					6			7.0	7.7	Bảy phẩy Bảy
186	152320925	Lê Thị	Vững	T15KDN2	5					8			6.0	6.1	Sáu phẩy Một